|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:….../2025/QĐ-UBND | *Tuyên Quang, ngày ... tháng ... năm 2025* |

**Dự thảo**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT* *ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;*

*Căn cứ* *Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số ....../TTr-SNNMT ngày ...../...../2025;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 3. Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thực hiện theo Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ban hành kèm theo Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Quyết định này là căn cứ cho việc xây dựng phương án giá thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; thẩm định phương án giá thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và ban hành văn bản định giá thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng ngân sách nhà nước. Đối với các khu vực đã thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn áp dụng định mức đối với từng loại chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại. Đối với các khu vực chưa thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn áp dụng định mức chung đối với chất thải rắn sinh hoạt khác.

**Điều 4. Điều khoản thi hành**

1.Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2025 và thay thế Quyết định số 39/2025/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang quy định định định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;  - Thường trực Tỉnh uỷ;  - Thường trực HĐND tỉnh;  - Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Vụ pháp chế, Cục Môi trường - Bộ NN&MT;  - Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC, Cục Bổ trợ tư pháp - Bộ Tư pháp;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;  - Các Sở, Ban ngành tỉnh;  - UBND các xã, phường;  - Như Điều 4;  - Báo và Đài PTTH tỉnh;  - Phó CVP UBND tỉnh;  - Cổng Thông tin điện tử tỉnh;  - Công báo tỉnh Tuyên Quang;  - Lưu: VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH**  **Phan Huy Ngọc** |